

Số: 1555/TB-ĐHNV

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2019

### THÔNG BÁO

#### Chiêu sinh lớp học bổ sung kiến thức đợt 2 năm 2019 cho thí sinh dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3558/QĐ-BGDĐT ngày 16/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Nội vụ Hà Nội đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lưu trữ học;

Căn cứ Quyết định số 4916/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Nội vụ Hà Nội đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công và chuyên ngành Quản lý công;

Trường Đại học Nội vụ Hà Nội thông báo chiêu sinh lớp bổ sung kiến thức đợt 2 năm 2019 cho thí sinh dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng như sau:

#### 1. Các chuyên ngành chiêu sinh

STT	Tên chuyên ngành	Mã số	Đối tượng chiêu sinh lớp học BSKT	Địa điểm chiêu sinh
1	Chính sách công	8340402	Ngành gần, ngành khác	Hà Nội
2	Quản lý công	8340403	Ngành gần, ngành khác	Hà Nội, TP. HCM
3	Lưu trữ học	8320303	Ngành gần	

#### 2. Đối tượng và điều kiện tham gia học bổ sung kiến thức

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định;
- Các đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ nhưng đã tốt nghiệp cách nhiều năm (trên 10 năm) và các đối tượng khác có kinh nghiệm công tác, quản lý

trong lĩnh vực Chính sách công, Quản lý công và Lưu trữ học theo Quyết định của Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Nội vụ Hà Nội.

### **3. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác và danh mục các học phần bổ sung kiến thức**

Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác và danh mục các học phần bổ sung kiến thức trình độ thạc sĩ của các chuyên ngành được quy định tại phụ lục 01 đính kèm Thông báo này.

### **4. Hồ sơ đăng ký**

- Phiếu đăng ký học bổ sung kiến thức (theo mẫu tại phụ lục 02);
- Bản sao có công chứng hợp lệ bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học;
- Văn bản, giấy tờ chứng minh kinh nghiệm công tác;
- 02 ảnh 3x4 (sau ảnh ghi rõ họ tên và ngày tháng năm sinh).

### **5. Kinh phí**

Học phí các học phần bổ sung kiến thức: **493.000 đồng/tín chỉ.**

### **6. Thời gian nhận hồ sơ và tổ chức lớp học**

a) **Thời gian nhận hồ sơ:** Từ ngày ban hành Thông báo.

b) **Thời gian tổ chức lớp học:** 02 tháng (dự kiến từ ngày 07/09/2019 đến ngày 02/11/2019).

### **7. Địa chỉ nhận hồ sơ và đại diện liên hệ**

a) **Tại Hà Nội:** Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội;

- Địa chỉ: Phòng B401, ngõ 36, đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội;

- Điện thoại: (024) 37532864/108; Di động: 0932350088 (Chuyên viên Trần Hà My).

b) **Tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên, Phân hiệu

Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Địa chỉ: số 181, đường Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh;

- Điện thoại: (028) 3984881; Di động: 0967707079 (TS. Lê Văn Quyến, Q. Trưởng phòng

Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên).

#### **Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, SDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC NỘI VỤ  
HÀ NỘI

**Nguyễn Minh Phương**



HÀ NỘI  
**Phụ lục 01:**

**Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác  
và danh mục các học phần bổ sung kiến thức cho thí sinh dự thi  
tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ các chuyên ngành  
(Kèm theo Thông báo số: 1555/TB-ĐHNH ngày 23 tháng 7 năm 2019  
của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)**

**A. Chuyên ngành Chính sách công**

**1. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác**

	Căn cứ xác định	Một số ngành, chuyên ngành cụ thể		Quy định về học bổ sung kiến thức
		Tên	Mã số	
<b>Ngành đúng; Ngành phù hợp (1)</b>	- Ngành tốt nghiệp đại học cùng tên với ngành, chuyên ngành dự thi trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp IV, hoặc: - Chương trình đào tạo khác chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Chính sách công của Trường ĐHNHVN dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Chuyên ngành Chính sách công thuộc các ngành: Chính trị học, Quản lý nhà nước và các ngành khác		Không phải học bổ sung kiến thức
<b>Ngành gần (2)</b>	- Ngành tốt nghiệp đại học cùng nhóm ngành Khoa học chính trị, Quản lý – quản trị trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp IV, hoặc: - Chương trình đào tạo khác chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Chính sách công của Trường ĐHNHVN từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành	- Chính trị học, - Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước - Quản lý nhà nước, - Quan hệ quốc tế, - Khoa học quản lý - Quản lý công - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án - Hành chính học	- 7310201 - 7310202 - 7310205 - 7310206 - 7340401 - 7340403 - 7340404 - 7340405 - 7340406 - 7340408 - 7340409	Phải học bổ sung kiến thức các học phần được quy định đối với thí sinh ngành gần
<b>Ngành khác (3)</b>	Các ngành tốt nghiệp trình độ đại học không được quy định tại mục (1) và (2)			Phải học bổ sung kiến thức các học phần được quy định đối với thí sinh ngành khác

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

a) *Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần (12 TC)*

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Những vấn đề cơ bản chính sách công	02
2	Chính trị và chính sách công	02
3	Các thiết chế xã hội và chính sách công	02
4	Chính sách kinh tế	02
5	Chính sách đối ngoại của Việt Nam	02
6	Chính sách phát triển nguồn nhân lực	02

b) *Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác (16 TC)*

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Những vấn đề cơ bản chính sách công	02
2	Chính trị và chính sách công	02
3	Các thiết chế xã hội và chính sách công	02
4	Chính sách kinh tế	02
5	Chính sách đối ngoại của Việt Nam	02
6	Chính sách phát triển nguồn nhân lực	02
7	Chính trị học đại cương	02
8	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	02

## B. Chuyên ngành Quản lý công

### 1. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác

	Căn cứ xác định	Một số ngành, chuyên ngành cụ thể		Quy định về học bổ sung kiến thức
		Tên	Mã số	
<b>Ngành đúng; Ngành phù hợp (1)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học cùng tên với ngành, chuyên ngành dự thi trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp IV, hoặc:</li> <li>- Chương trình đào tạo khác chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Quản lý nhà nước của Trường ĐHN VHN dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý công</li> <li>- Quản lý nhà nước</li> <li>- Hành chính học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 7340403</li> <li>- 7310205</li> </ul>	Không phải học bổ sung kiến thức
<b>Ngành gần (2)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học cùng nhóm ngành Khoa học chính trị, Quản lý – quản trị trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp IV, hoặc:</li> <li>- Chương trình đào tạo khác chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Quản lý nhà nước của Trường ĐHN VHN từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính trị học</li> <li>- Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước</li> <li>- Quan hệ quốc tế</li> <li>- Khoa học quản lí</li> <li>- Quản trị nhân lực</li> <li>- Hệ thống thông tin quản lý</li> <li>- Quản trị văn phòng</li> <li>- Quan hệ lao động</li> <li>- Quản lí dự án</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 7310201</li> <li>- 7310202</li> <li>- 7310206</li> <li>- 7340401</li> <li>- 7340404</li> <li>- 7340405</li> <li>- 7340406</li> <li>- 7340408</li> <li>- 7340409</li> </ul>	Phải học bổ sung kiến thức các học phần được quy định đối với thí sinh ngành gần
<b>Ngành khác (3)</b>	Các ngành tốt nghiệp trình độ đại học không được quy định tại mục (1) và (2)			Phải học bổ sung kiến thức các học phần được quy định đối với thí sinh ngành khác

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

*a) Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần (12 TC)*

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Lý luận chung về hành chính nhà nước	02
2	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	02
3	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	02
4	Quản lý nhân sự hành chính nhà nước	02
5	Hoạch định và phân tích chính sách công	02
6	Thủ tục hành chính	02

*b) Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác(16 TC)*

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Lý luận chung về hành chính nhà nước	02
2	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	02
3	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	02
4	Quản lý nhân sự hành chính nhà nước	02
5	Hoạch định và phân tích chính sách công	02
6	Thủ tục hành chính	02
7	Quản lý học đại cương	02
8	Kỹ thuật điều hành công sở	02



### C. Chuyên ngành Lưu trữ học

#### 1. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác

	Căn cứ xác định	Một số ngành, chuyên ngành cụ thể		Quy định về học bổ sung kiến thức
		Tên	Mã số	
<b>Ngành đúng; Ngành phù hợp</b>	- Ngành tốt nghiệp đại học cùng tên với ngành, chuyên ngành dự thi trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp IV, hoặc: - Chương trình đào tạo khác chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Lưu trữ học của ĐHNVHN dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	- Lưu trữ học - Lưu trữ học và quản trị văn phòng	- 7320303	Không phải học bổ sung kiến thức
<b>Ngành gần A</b>	Ngành tốt nghiệp đại học cùng nhóm ngành Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp IV, hoặc:	- Bảo tàng học	- 7320305	Phải học bổ sung kiến thức các học phần được quy định đối với thí sinh ngành gần A
<b>Ngành gần B</b>	- Chương trình đào tạo khác chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Lưu trữ học của ĐHNVHN từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành	- Thông tin – thư viện (Thông tin học, Khoa học thư viện) - Quản lý thông tin - Lịch sử - Sư phạm lịch sử - Văn hóa học - Quản lý nhà nước - Hành chính học - Quản trị văn phòng	- 7320201  -7320205 - 7229010 - 7140218 - 7229040 - 7310205  - 7340406	Phải học bổ sung kiến thức các học phần được quy định đối với thí sinh ngành gần B

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

*a) Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần A ( 08 TC)*

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Tổ chức tài liệu Phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam	02
2	Lưu trữ tài liệu khoa học kỹ thuật và công nghệ	02
3	Công tác văn thư, lưu trữ trong cơ quan, tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội	02
4	Pháp luật lưu trữ	02

*b) Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần B (14 TC)*

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Công tác văn thư	02
2	Công tác lưu trữ	02
3	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	02
4	Tổ chức tài liệu Phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam	02
5	Lưu trữ tài liệu khoa học kỹ thuật và công nghệ	02
6	Công tác văn thư, lưu trữ trong cơ quan, tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội	02
7	Pháp luật lưu trữ	02